



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO  
DỤC TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	1- 2
Báo cáo kiểm toán	3
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 21

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

### **Thông tin khái quát**

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02/04/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần gần nhất vào ngày 18/04/2011 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới là 0400463362.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 06/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 65/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DAE.

**Vốn điều lệ:** 14.986.800.000 đồng

**Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2011:** 14.986.800.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 29,41 %.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ: 78 Pasteur, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0511.3886497
- Fax: (84) 0511.3887793

### **Ngành nghề kinh doanh chính**

- Xuất bản sách, chi tiết: liên kết xuất bản sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- In và phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh, đĩa CD room và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất và kinh doanh các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục;
- Dịch vụ photocopy, cho thuê văn phòng làm việc, quảng cáo thương mại;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các sản phẩm có liên quan đến chức năng hoạt động của Công ty.

### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2011 là 24 người, trong đó nhân viên quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm có:

### **Hội đồng quản trị**

- |                          |          |                              |
|--------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Huỳnh Bá Vân       | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 17/04/2009 |
| • Ông Phạm Nhiêu         | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 17/04/2009 |
| • Bà Nguyễn Thị Minh Tâm | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 17/04/2009 |

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Ông Nguyễn Thế Dũng Ủy viên Bỏ nhiệm lại ngày 17/04/2009
- Ông Huỳnh Hoàng Phương Ủy viên Bỏ nhiệm ngày 17/04/2009

### **Ban Kiểm soát**

- Bà Phạm Thị Thu Hương Trưởng ban Bỏ nhiệm lại ngày 17/04/2009
- Ông Đặng Lê Ủy viên Bỏ nhiệm lại ngày 17/04/2009
- Ông Trần Thanh Thuận Ủy viên Bỏ nhiệm ngày 17/04/2009
- Bà Đặng Thị Trang Ủy viên Miễn nhiệm ngày 09/04/2011
- Bà Đặng Thị Trang Ủy viên Bỏ nhiệm ngày 09/04/2011

### **Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

- Ông Phạm Nhiều Giám đốc Bỏ nhiệm lại ngày 17/04/2009
- Ông Nguyễn Thế Dũng Phó Giám đốc Bỏ nhiệm lại ngày 17/04/2009
- Bà Nguyễn Thị Minh Tâm Kế toán trưởng Bỏ nhiệm lại ngày 17/04/2009

### **Kiểm toán độc lập**

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

**Thay mặt Ban Giám đốc**  
**Giám đốc**

**Phạm Nhiều**

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 02 năm 2012



# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính  
217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887  
Email: aac@dng.vnn.vn  
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số:167/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2012

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15/02/2012 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 4 đến trang 21. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên**

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

### **Cơ sở đưa ra ý kiến**

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

---

**Phan Xuân Vạn**  
Tổng Giám đốc

*Chứng chỉ KTV số Đ.0102/KTV*

---

**Ngô Thị Kim Anh**  
Kiểm toán viên

*Chứng chỉ KTV số 1100/KTV*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>36.923.169.171</b>	<b>43.630.191.462</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.681.561.655</b>	<b>2.397.502.344</b>
1. Tiền	111	5	1.681.561.655	2.397.502.344
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.979.515.213</b>	<b>17.248.291.947</b>
1. Phải thu khách hàng	131		12.357.749.240	17.603.884.701
2. Trả trước cho người bán	132		15.000.000	9.623.200
3. Các khoản phải thu khác	135	6	32.539.205	15.314.773
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(425.773.232)	(380.530.727)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>22.167.353.562</b>	<b>22.723.364.470</b>
1. Hàng tồn kho	141	7	25.184.330.311	24.677.150.817
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.016.976.749)	(1.953.786.347)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.094.738.741</b>	<b>1.261.032.701</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	929.047.233	1.036.413.341
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		84.271.508	130.171.947
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	81.420.000	94.447.413
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>12.750.527.975</b>	<b>11.857.176.843</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.887.143.706</b>	<b>6.472.447.310</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.386.743.706	4.972.047.310
- Nguyên giá	222		5.794.136.840	6.322.121.126
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.407.393.134)	(1.350.073.816)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.500.400.000	1.500.400.000
- Nguyên giá	228		1.500.400.000	1.500.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>762.187.771</b>	<b>1.039.401.709</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		1.167.516.709	1.167.516.709
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(405.328.938)	(128.115.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.101.196.498</b>	<b>4.345.327.824</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	6.101.196.498	4.345.327.824
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>49.673.697.146</b>	<b>55.487.368.305</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>27.671.567.309</b>	<b>36.030.520.602</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16.689.376.740</b>	<b>17.652.675.727</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	3.000.000.000	3.500.000.000
2. Phải trả người bán	312		11.672.879.338	11.159.664.608
3. Người mua trả tiền trước	313		15.027.850	3.052.166
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	947.483.860	634.305.385
5. Phải trả người lao động	315		337.240.565	332.103.341
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	25.796.163	1.453.920.138
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		690.948.964	569.630.089
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.982.190.569</b>	<b>18.377.844.875</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		10.931.594.437	18.335.416.743
2. Phải trả dài hạn khác	333	17	25.000.000	34.000.000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		25.596.132	8.428.132
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>22.002.129.837</b>	<b>19.456.847.703</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>22.002.129.837</b>	<b>19.456.847.703</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	14.986.800.000	14.986.800.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	18	1.841.064.331	1.447.398.806
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	18	854.333.474	854.333.474
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	18	420.035.867	200.867.688
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	3.899.896.165	1.967.447.735
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>49.673.697.146</b>	<b>55.487.368.305</b>

Giám đốc

Kế toán trưởng

Phạm Nhiêu

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Thị Minh Tâm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	19	55.105.066.781	54.571.458.969
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	150.836.233	464.647.837
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	19	54.954.230.548	54.106.811.132
4. Giá vốn hàng bán	11	20	41.113.909.245	41.878.618.563
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>13.840.321.303</b>	<b>12.228.192.569</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	173.536.880	752.913.879
7. Chi phí tài chính	22	22	946.260.932	436.083.766
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		500.747.217	369.997.224
8. Chi phí bán hàng	24		3.366.928.684	3.018.933.401
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.893.955.683	4.344.364.942
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>4.806.712.884</b>	<b>5.181.724.339</b>
11. Thu nhập khác	31	23	532.756.654	124.354.922
12. Chi phí khác	32	24	37.553.068	7.959.340
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>495.203.586</b>	<b>116.395.582</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>25</b>	<b>5.301.916.470</b>	<b>5.298.119.921</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	918.552.892	1.280.766.155
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>25</b>	<b>4.383.363.578</b>	<b>4.017.353.766</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	2.925	2.681

Giám đốc

Kế toán trưởng

Phạm Nhiêu  
Đà Nẵng, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Thị Minh Tâm



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	60.232.570.573	50.968.163.660
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(54.339.318.214)	(42.117.389.857)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.771.754.011)	(2.398.895.400)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(500.747.217)	(369.997.224)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(608.015.964)	(1.481.568.331)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.371.691.188	1.198.502.396
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.949.156.651)	(2.345.130.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.435.269.704</b>	<b>3.453.684.994</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(54.000.000)	(1.652.273.600)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	477.272.727	105.285.400
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(80.280.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.029.356.500
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	173.536.880	300.456.690
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>596.809.607</b>	<b>(297.455.010)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.500.000.000	7.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.000.000.000)	(6.500.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.248.020.000)	(2.248.020.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.748.020.000)</b>	<b>(1.748.020.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(715.940.689)</b>	<b>1.408.209.984</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.397.502.344	989.292.360
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>1.681.561.655</b>	<b>2.397.502.344</b>

Giám đốc

Kế toán trưởng

Phạm Nhiêu

Nguyễn Thị Minh Tâm

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 02 năm 2012

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **1. Đặc điểm hoạt động**

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02 tháng 04 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần gần nhất vào ngày 18/04/2011 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới là 0400463362.

### **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong năm và do đánh giá lại số dư cuối năm được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

#### **4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.4 Hàng tồn kho**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.5 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.6 Tài sản cố định hữu hình**

#### ***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### ***Khấu hao***

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với các tài sản cố định là phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý.

<u>Loai tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	3 - 5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1,5 - 2

### **4.7 Tài sản cố định vô hình**

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất (trừ trường hợp thuê đất) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

### **4.8 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.10 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

### **4.11 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

### **4.12 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

### **4.13 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### 4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với bán lịch block; 5% đối với các loại từ điển và sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa; Các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.  
Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2011 theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

## 5. Tiền

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	157.331.234	91.641.247
Tiền gửi ngân hàng	1.524.230.421	2.305.861.097
<b>Cộng</b>	<b>1.681.561.655</b>	<b>2.397.502.344</b>

### 6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế thu nhập cá nhân phải thu công nhân viên	32.539.205	15.314.773
<b>Cộng</b>	<b>32.539.205</b>	<b>15.314.773</b>

### 7. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.623.731.301	10.013.150.924
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.144.243.654	1.756.899.536
Thành phẩm	15.342.134.901	12.898.979.291
Hàng hóa	5.135.208	8.121.066
Hàng gửi đi bán	69.085.247	-
<b>Cộng</b>	<b>25.184.330.311</b>	<b>24.677.150.817</b>

### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế GTGT không được khấu trừ phân bổ cho hàng tồn kho	918.823.233	933.582.495
Chi phí thiết kế, biên tập sách	10.224.000	7.533.500
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	95.297.346
<b>Cộng</b>	<b>929.047.233</b>	<b>1.036.413.341</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 9. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tạm ứng	81.420.000	94.447.413
<b>Cộng</b>	<b>81.420.000</b>	<b>94.447.413</b>

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	3.697.596.119	53.091.070	2.396.531.630	174.902.307	6.322.121.126
Mua sắm trong năm	-	-	-	54.000.000	54.000.000
Giảm trong năm	-	-	581.984.286	-	581.984.286
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.697.596.119</b>	<b>53.091.070</b>	<b>1.814.547.344</b>	<b>228.902.307</b>	<b>5.794.136.840</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	441.340.318	53.091.070	721.002.750	134.639.678	1.350.073.816
Khấu hao trong năm	148.262.628	-	412.183.260	46.525.250	606.971.138
Giảm trong năm	-	-	549.651.820	-	549.651.820
<b>Số cuối năm</b>	<b>589.602.946</b>	<b>53.091.070</b>	<b>583.534.190</b>	<b>181.164.928</b>	<b>1.407.393.134</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	3.256.255.801	-	1.675.528.880	40.262.629	4.972.047.310
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.107.993.173</b>	<b>-</b>	<b>1.231.013.154</b>	<b>47.737.379</b>	<b>4.386.743.706</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 là 227.993.377 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình cầm cố, thế chấp để đảm bảo nợ vay tại 31/12/2011 là 3.107.993.173 đồng

### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài với nguyên giá: 1.500.400.000 đồng tại 78 Pasteur, Thành phố Đà Nẵng. Công ty không trích khấu hao đối với tài sản cố định vô hình này. Quyền sử dụng đất này là tài sản thế chấp cho các hợp đồng vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển.

### 12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác	104.594	1.167.516.709	104.594	1.167.516.709
<i>Công ty Cổ phần Bản đồ - Tranh ảnh Giáo dục (ECI)</i>	10.294	118.937.709	10.294	118.937.709
<i>Công ty Cổ phần Sách TBTH Thành phố HCM (STC)</i>	29.300	456.275.000	29.300	456.275.000
<i>Công ty Cổ phần In Quảng Nam (i)</i>	30.000	242.304.000	30.000	242.304.000
<i>Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng (i)</i>	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(405.328.938)		(128.115.000)
+ <i>Dự phòng giảm giá (ii)</i>		(331.233.909)		(128.115.000)
+ <i>Dự phòng tổn thất vốn đầu tư (iii)</i>		(74.095.029)		-
<b>Cộng</b>	<b>104.594</b>	<b>762.187.771</b>	<b>104.594</b>	<b>1.039.401.709</b>

(i) Các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm cuối năm. Do đó, giá trị của các cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Là dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (STC) và Công ty Cổ phần Bản đồ - Tranh ảnh Giáo dục (ECI). Cơ sở trích lập dự phòng là chênh lệch giữa giá gốc và giá giao dịch bình quân của cổ phiếu này tại ngày 31/12/2011 tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với số lượng cổ phiếu Công ty đang nắm giữ.

(iii) Là dự phòng tổn thất vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần In Quảng Nam có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó Công ty không lập dự phòng tổn thất vốn đầu tư vào Công ty này.

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí tổ chức bàn thảo	6.101.196.498	4.345.327.824
<b>Cộng</b>	<b>6.101.196.498</b>	<b>4.345.327.824</b>

**14. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.000.000.000	3.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.500.000.000</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	888.854.422	578.317.494
Thuế thu nhập cá nhân	58.629.438	55.987.891
<b>Cộng</b>	<b>947.483.860</b>	<b>634.305.385</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### **16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	24.996.163	11.976.998
Cổ tức phải trả	-	1.198.944.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	800.000	242.999.140
<b>Cộng</b>	<b>25.796.163</b>	<b>1.453.920.138</b>

### **17. Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền ký cược của các nhà sách	25.000.000	34.000.000
<b>Cộng</b>	<b>25.000.000</b>	<b>34.000.000</b>

### **18. Vốn chủ sở hữu**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
<b>Số dư tại 01/01/2010</b>	<b>14.986.800.000</b>	<b>1.447.398.806</b>	<b>653.465.786</b>	-	<b>1.322.973.023</b>
Tăng trong năm	-	-	200.867.688	200.867.688	4.017.353.766
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.372.879.054
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>14.986.800.000</b>	<b>1.447.398.806</b>	<b>854.333.474</b>	<b>200.867.688</b>	<b>1.967.447.735</b>
<b>Số dư tại 01/01/2011</b>	<b>14.986.800.000</b>	<b>1.447.398.806</b>	<b>854.333.474</b>	<b>200.867.688</b>	<b>1.967.447.735</b>
Tăng trong năm	-	393.665.525	-	219.168.179	4.383.363.578
Giảm trong năm	-	-	-	-	2.450.915.148
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>14.986.800.000</b>	<b>1.841.064.331</b>	<b>854.333.474</b>	<b>420.035.867</b>	<b>3.899.896.165</b>

**b. Cổ phiếu**

	31/12/2011 Cổ phiếu	31/12/2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu thường	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu thường	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

**c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	1.967.447.735	1.322.973.023
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.383.363.578	4.017.353.766
Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức	2.450.915.148	3.372.879.054
Quỹ đầu tư phát triển bổ sung từ lợi nhuận sau thuế được giám	393.665.525	-
Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ	219.168.179	200.867.688
Quỹ dự phòng tài chính	-	200.867.688
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	219.168.179	200.867.688
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	569.837.265	522.255.990
Chia cổ tức	1.049.076.000	2.248.020.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>3.899.896.165</b>	<b>1.967.447.735</b>

Lợi nhuận sau thuế tạm phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 09/04/2011:

- Trích Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ: 5%
- Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành: 5%
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 13%
- Chia cổ tức đợt 1 năm 2011 7%

### 19. Doanh thu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>55.105.066.781</b>	<b>54.571.458.969</b>
+ Doanh thu sách giáo khoa	469.173.407	271.626.314
+ Doanh thu sách tham khảo	50.630.715.641	49.735.062.636
+ Doanh thu bán đồ, tranh ảnh giáo dục	3.927.192.376	4.553.303.470
+ Doanh thu khác	77.985.357	11.466.549
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>150.836.233</b>	<b>464.647.837</b>
+ Hàng bán bị trả lại	150.836.233	464.647.837
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>54.954.230.548</b>	<b>54.106.811.132</b>

### 20. Giá vốn hàng bán

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	<b>Năm 2011 VND</b>	<b>Năm 2010 VND</b>
Giá vốn sách giáo khoa	441.082.817	299.966.434
Giá vốn sách tham khảo	35.424.419.434	36.070.216.544
Giá vốn bản đồ, tranh ảnh giáo dục	3.069.942.129	4.075.423.124
Giá vốn hoạt động khác	34.091.645	6.155.441
Thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ	1.081.182.818	987.804.284
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.063.190.402	439.052.736
<b>Cộng</b>	<b>41.113.909.245</b>	<b>41.878.618.563</b>

### **21. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2011 VND</b>	<b>Năm 2010 VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	64.094.080	36.601.390
Lãi từ đầu tư chứng khoán	-	432.057.849
Cổ tức, lợi nhuận được chia	109.442.800	263.855.300
Chiết khấu thanh toán được hưởng	-	20.399.340
<b>Cộng</b>	<b>173.536.880</b>	<b>752.913.879</b>

### **22. Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2011 VND</b>	<b>Năm 2010 VND</b>
Lãi tiền vay	500.747.217	369.997.224
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	168.299.777	22.151.542
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	203.118.909	43.935.000
Dự phòng tổn thất vốn đầu tư dài hạn	74.095.029	-
<b>Cộng</b>	<b>946.260.932</b>	<b>436.083.766</b>

### **23. Thu nhập khác**

	<b>Năm 2011 VND</b>	<b>Năm 2010 VND</b>
Thu nhập từ bán tài sản cố định	477.272.727	101.363.636
Thu nhập từ bán thanh lý công cụ dụng cụ, tài sản khác	27.104.454	17.456.594
Thu nhập khác	28.379.473	5.534.692
<b>Cộng</b>	<b>532.756.654</b>	<b>124.354.922</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 24. Chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí thanh lý, giá trị còn lại của tài sản cố định	32.332.466	6.214.600
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ, chi phí khác	5.220.602	1.744.740
<b>Cộng</b>	<b>37.553.068</b>	<b>7.959.340</b>

### 25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.301.916.470	5.298.119.921
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(53.042.800)	(175.055.300)
<i>Điều chỉnh tăng</i>	<i>56.400.000</i>	<i>88.800.000</i>
+ <i>Thu lao HDQT không tham gia điều hành</i>	<i>56.400.000</i>	<i>57.000.000</i>
+ <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	<i>-</i>	<i>31.800.000</i>
<i>Điều chỉnh giảm</i>	<i>109.442.800</i>	<i>263.855.300</i>
+ <i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	<i>109.442.800</i>	<i>263.855.300</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	5.248.873.670	5.123.064.621
Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	1.312.218.417	1.280.766.155
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (TT 154/2011/TT-BTC)	393.665.525	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	918.552.892	1.280.766.155
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>4.383.363.578</b>	<b>4.017.353.766</b>

### 26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.383.363.578	4.017.353.766
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- <i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
- <i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	4.383.363.578	4.017.353.766
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.498.680	1.498.680
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.925</b>	<b>2.681</b>

### 27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.741.976.244	9.003.254.910
Chi phí nhân công	2.077.094.334	1.767.639.752
Chi phí khấu hao tài sản cố định	606.971.138	558.471.929
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.910.283.032	15.938.169.610
Chi phí khác bằng tiền	361.336.551	207.916.814
<b>Cộng</b>	<b>29.697.661.299</b>	<b>27.475.453.015</b>

### 28. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm:

Các nghiệp vụ phát sinh	Mối quan hệ	Năm 2011 VND
<b>Bán hàng</b>		<b>21.989.998.995</b>
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	5.815.494.718
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư	16.174.504.277
<b>Mua hàng</b>		<b>27.253.284.166</b>
Công ty CP In Sách Giáo khoa Hòa Phát	Chung công ty đầu tư	712.934.107
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	780.158.473
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	1.512.372.268
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư	13.832.181.012
Công ty CP Bản đồ tranh ảnh - Giáo dục	Chung công ty đầu tư	3.722.539.776
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	2.851.382.180
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư	3.841.716.350

#### b. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản nợ phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Phải thu VND	Phải trả VND
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư	-	3.000.000.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư	-	400.197.895
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	-	347.778.556
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	1.871.180.954	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư	5.291.505.105	-
Công ty CP Bản đồ tranh ảnh - Giáo dục	Chung công ty đầu tư	-	600.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư	-	11.632.553.402
<b>Cộng</b>		<b>7.162.686.059</b>	<b>12.980.529.853</b>

### 29. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

### **30. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi AAC.

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Phạm Nhiêu**

**Nguyễn Thị Minh Tâm**

*Đà Nẵng, ngày 15 tháng 02 năm 2012*